

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn
Ông Phạm Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 693/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thùy NH**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Đông, xã Hòa Tân, thành phố CM, tỉnh CM.

- Bị đơn: Anh **Võ Văn BB**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Đông, xã Hòa Tân, thành phố CM, tỉnh CM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn UU, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

2. Bà Hồ Thị HH, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Đông, xã Hòa Tân, thành phố CM, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy NH trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2016, chị NH và anh Võ Văn BB tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố CM, tỉnh CM. Nguyên nhân ly hôn do anh BB không quan tâm, chăm sóc vợ con, đam mê cờ bạc, gây nợ nần. Chị NH đã NHều lần tha thứ nhưng anh BB không thay

đổi. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Chị NH xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh BB.

Về nuôi con chung: Chị NH và anh BB có 01 người con chung là Võ Gia Hưng, sinh ngày 11/11/2017, đang sống với chị NH. Khi ly hôn, chị NH yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh BB cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị NH xác định không có.

Về nợ riêng: Anh BB có mượn của ông Nguyễn Văn UU số tiền 3.500.000 đồng và mượn của mẹ ruột chị NH là bà Hồ Thị HH số tiền 24.000.000 đồng để mua xe. Ngoài ra, anh BB có mượn riêng của chị NH 04 chỉ vàng 24k, đây là tài sản riêng của chị NH có trước khi kết hôn với anh BB. Chị NH yêu cầu anh BB trả cho chị NH 04 chỉ vàng 24K, Tòa án ra thông báo để chị NH dự nộp án phí theo quy định pháp luật nhưng chị NH không dự nộp và tại bản tự khai ngày 07/8/2020 chị NH rút lại yêu cầu này.

Tại bản tự khai ngày 25/8/2020 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị HH trình bày:

Ngày 16/8/2019, bà HH có cho anh Võ Văn BB mượn số tiền 24.000.000 đồng để mua xe, không có biên nhận, không có lãi. Từ khi mượn đến nay anh BB chưa trả. Đây là nợ riêng của anh BB. Nay chị NH và anh BB ly hôn, bà không yêu cầu anh BB trả nợ mà tự thỏa thuận với anh BB. Trường hợp không thỏa thuận được bà HH sẽ khởi kiện BB một vụ án khác.

Tại bản tự khai ngày 25/8/2020 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn UU trình bày:

Cách nay khoảng 02 năm, ông UU có cho anh Võ Văn BB mượn NHều lần với số tiền 7.500.000 đồng để đóng hụi và chi xài cá nhân, không có biên nhận. Quá trình mượn, anh BB đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 3.500.000 đồng. Đây là nợ riêng của anh BB. Nay chị NH và anh BB ly hôn, ông không yêu cầu anh BB trả nợ mà tự thỏa thuận với anh BB. Trường hợp không thỏa thuận được thì ông UU sẽ khởi kiện BB một vụ án khác.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Võ Văn BB đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Võ Văn BB đã được Tòa án triệu tập hợp lệ NHều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông Nguyễn Văn UU và bà Hồ Thị HH xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh BB, ông UU và bà HH.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2016, anh Võ Văn BB và chị Nguyễn Thùy NH tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị NH trình bày: Do anh BB không quan tâm, chăm sóc vợ con, đam mê cờ bạc, gây nợ nần. Chị NH đã NHều lần tha thứ nhưng anh BB không thay đổi. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Chị NH xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh BB. Về phía anh BB đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, qua đó cho thấy anh BB không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm với chị NH. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị NH và anh BB không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thùy NH được ly hôn với anh Võ Văn BB.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị NH và anh BB có 01 người con chung là Võ Gia H, sinh ngày 11/11/2017, đang sống với chị NH. Khi ly hôn, chị NH yêu cầu nuôi con. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Trường hợp này, cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi và chị NH có đủ điều kiện nuôi con. Hơn nữa, quá trình giải quyết, anh BB không có ý kiến về việc chị NH yêu cầu nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hưng cho chị NH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh BB không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại đơn khởi kiện chị NH yêu cầu anh BB cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị NH yêu cầu anh BB cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án anh BB không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị NH yêu cầu anh BB cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng là cao nên Hội đồng xét xử có xem xét, điều chỉnh cho phù hợp và buộc anh BB phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H, mỗi tháng 750.000 đồng, liên tục hàng tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh BB vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

[6] *Về tài sản và nợ chung*: Chị NH xác định không có.

[7] *Về nợ riêng*: Chị NH xác định quá trình chung sống, anh BB có mượn của ông Nguyễn Văn UU (cha ruột chị NH) số tiền 3.500.000 đồng và mượn bà Hồ Thị HH (mẹ ruột chị NH) số tiền 24.000.000 đồng để mua xe. Ngoài ra, anh

BB có mượn riêng của chị NH 04 chỉ vàng 24k, đây là tài sản riêng của chị NH có trước khi kết hôn với anh BB. Trong quá trình giải quyết vụ án anh BB không có ý kiến về việc xác định nợ như chị NH đã nêu.

Đối với chị NH yêu cầu anh BB trả cho chị NH 04 chỉ vàng 24K nhưng chị NH không dự nộp án phí và đã rút lại yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với khoản nợ của ông UU và bà HH, chị NH yêu cầu anh BB có trách nhiệm trả cho ông UU và bà HH. Tuy nhiên, ông UU và bà HH xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận với anh BB. Hơn nữa, ông UU và bà HH không có đơn yêu cầu độc lập và không dự nộp án phí nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] *Về án phí*: Chị NH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh BB phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy NH và Võ Văn BB.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Võ Gia H, sinh ngày 11/11/2017 cho chị NH trực tiếp nuôi dưỡng. Anh BB không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Anh BB phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị NH với số tiền là 750.000 đồng/tháng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Hưng thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh BB vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chia tài sản chung: Chị NH xác định không có.

4. Về nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị NH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 16/7/2020, chị NH đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002158 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Anh BB phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA
- TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND **xã Hòa Tân**, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(đã ký)

Hàng Bích Trâm

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA
TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã, phường, thị trấn... thành phố Cà
Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc